

Lời và Bàn Tay Thiên Chúa trong Công Trình Sáng Tạo**The Word and the Hands of God in Creation**Lm. Phaolô Ngô Đình Sĩ^{1*}¹Học Viện Công Giáo Việt Nam

*Email của tác giả liên hệ: ngodinhssi@gmail.com

 <https://doi.org/10.54855/csl.25532>

® Copyright (c) 2025 Ngô Đình Sĩ

Received: 12/06/2025

Revision: 18/08/2025

Accepted: 21/08/2025

Online: 22/08/2025

ABSTRACT**Keywords:** Word of God; Hands of God; Creation; Incarnation; Inculturation

The paper explores the mystery of creation through the two Genesis accounts (Gen 1:1–2:3 and Gen 2:4–25), showing that God creates not only through His powerful Word but also through His “hands” in concrete action. By examining the contrasts and complementarities of these narratives, the author highlights the continuity and theological depth of God’s creative work, which is both revelatory and salvific. Building upon the Old Testament foundation, the study connects to the New Testament, especially the mystery of the Incarnate Word and the saving work of Christ, who fulfills and renews all creation. This reflection offers Christians a renewed vision of humanity’s vocation: created in the image of God, entrusted with stewardship over creation, and called to embrace the Gospel as the seed of salvation sown into human cultures and history.

TÓM LƯỢC**Từ khoá:** Lời Chúa; Bàn tay Thiên Chúa; Sáng Tạo; Nhập Thể; Hội nhập văn hóa

Bài viết này khai triển mầu nhiệm sáng tạo từ hai trình thuật Sáng Thế (St 1,1–2,3 và St 2,4–25), cho thấy Thiên Chúa vừa sáng tạo bằng Lời quyền năng vừa bằng “bàn tay” cụ thể. Qua phân tích sự khác biệt và bổ sung của hai trình thuật, tác giả làm nổi bật tính liên tục và chiều sâu thần học của hành động sáng tạo, vốn vừa mang tính mạc khải vừa mang tính cứu độ. Từ nền tảng Kinh Thánh, bài viết nối kết với Tân Ước, đặc biệt nơi mầu nhiệm Ngôi Lời nhập thể và công trình cứu độ của Đức Kitô, Đấng hoàn tất và tái tạo muôn loài. Tư tưởng này mở ra cho Kitô hữu cái nhìn mới về ơn gọi nhân loại: được tạo dựng trong hình ảnh Thiên Chúa, mang trách nhiệm quản lý sáng tạo, đồng thời đón nhận Tin Mừng như hạt giống cứu độ gieo vào lòng đất và văn hóa nhân loại.

Dẫn nhập

Thiên Chúa sáng tạo bằng Lời, quả thật như thế, như Kinh thánh đã mặc khải cho chúng ta. Nhưng chỉ tập trung và dừng lại ở đây, chúng ta có lẽ sẽ không nắm bắt được hết mầu nhiệm Sáng tạo, vì cũng chính Kinh thánh cũng mặc khải rằng đôi bàn tay của Ngài cũng đã tham gia tích cực vào công cuộc của Ngài. Hiện hữu con người và vũ trụ minh chứng vinh quang của Thiên Chúa, như sách Huấn ca đã đảo ngược vấn đề cho chúng ta thấy: “*Mặt trời toả sáng nhìn xuống muôn loài, vinh quang Đức Chúa bao phủ công trình Người sáng tạo,*” (Hc 42,16). Chúng ta thường nghĩ rằng mặt trời ngắm nhìn mọi thứ, vinh quang của Thiên Chúa làm sáng tỏ thụ tạo, về thứ hai của Hc 42,16 khẳng định chính loài thụ tạo tỏa sáng như mặt trời, có nghĩa là trật tự thánh thiêng được khắc ghi trong chính loài thụ tạo, Bàn tay Thiên Chúa, thực hiện cụ thể lời của Ngài trong loài nhờ thụ tạo.

Lời Thánh và Bàn tay “nghệ thuật” của Thiên Chúa mặc khải trọn vẹn, trong mầu nhiệm nhập thể của Ngôi Lời Thiên Chúa trong lịch sử loài người. Theo chân Đức Kitô, Giáo hội tiếp tục mầu nhiệm nhập thể sáng tạo và dẫn đưa con người và vũ trụ đến Sự thật và Vinh quang của Thiên Chúa, bằng con đường rao giảng Tin mừng khắp Thế giới, với ngàn đất nước và văn hóa đa dạng. Tin mừng cứu độ là sự gặp gỡ với với Logos, gặp Chúa Giêsu Kitô, nhưng “*có đức tin là nhờ nghe giảng, mà nghe giảng là nghe công bố lời Đức Kitô*” (Rm 10,17). Tin mừng không chỉ là thuyết giảng, nhưng được thể hiện với toàn diện con người làm chứng, như hạt giống chết đi trong lòng đất, để sinh ra nhiều bông hạt.

Do đó, để hiểu được mầu nhiệm Sáng tạo và Cứu độ của Thiên Chúa, chúng ta đi từ hai trình thuật sáng tạo trong cuốn sách đầu tiên của Kinh Thánh đến hoạt động rao giảng Tin mừng trong mọi dân tộc trên thế giới đa dạng văn hóa.

Hai trình thuật St 1,1-2,3 và St 2,4-25 tiếp nối và bổ sung

Khi đọc những chương đầu tiên của sách Sáng thế, chúng ta nghĩ rằng có hai trình thuật khác nhau, thậm chí mâu thuẫn trong sự sáng tạo. Các học giả đã cho chúng ta thấy những khác biệt cơ bản trong hai bản văn St 1 và 2. Sự khác biệt đầu tiên liên quan đến Thiên Chúa. Trong bản văn St 1-2,3 tên của Ngài là *אֱלֹהִים* (Elohim¹); theo truyền thống Do Thái, tên “Elohim” nhấn mạnh ý tưởng về quyền năng của Thiên Chúa. Đối với bản văn St 2,4-25, tên của Ngài là Bôn phụ âm YHWH, đôi khi được kết hợp với elohim được dịch trong tiếng Việt là “Đức Chúa”.

Trước đây, các học giả chú giải Ngũ thư theo lý thuyết tài liệu J, E, D, P² xem đây là dấu vết của hai tài liệu hoàn toàn khác nhau được một biên tập viên sau này ghép lại với nhau. Các học giả ngày nay đang dần dần xét lại lý thuyết tài liệu trong công việc chú giải Ngũ thư, họ có xu hướng đọc bản văn theo phương pháp đồng đại, xem xét bản văn được chấp nhận các Thư quy

¹ Elohim là dạng thức dài của gốc từ 'ēl, có nghĩa là “Thiên Chúa” trong ngôn ngữ Semit. Từ này tương đương với *ilu* trong tiếng Akkadien (Martin Rose, “Names of God in the OT”, dans *Anchor Bible Dictionary*, vol. 4), *elah* trong tiếng Aram và *ilāh* trong tiếng Ả Rập. Về mặt ngữ pháp, dạng thức “elohim” kết thúc bằng âm số nhiều -im. Trong một số trường hợp trong Kinh thánh, Elohim tương ứng với dạng số nhiều để chỉ “các vị thần hoặc những người đến từ thiên đường” (Louis F. Hartman et S. David Sperling, “God, names of”, dans *Encyclopaedia Judaica*, vol. 7). Hình thức Elohim cũng có thể được áp dụng cho một vị thần và không chỉ khi nói đến Thiên Chúa của Israel. Trong sách Sáng thế, “Elohim” xuất hiện thường xuyên hơn “YHWH”: 139 lần so với 118, 167 so với 143, nếu chúng ta tính cả các cụm từ ghép. Elohim đặc biệt là Thiên Chúa tạo dựng thế giới. Mặt khác, trong bốn cuốn sách khác của Torah (Ngũ thư), “Elohim” ít xuất hiện hơn nhiều.

² Theo giả thuyết của Wellhausen, Ngũ thư được soạn thảo do sự kết hợp của bốn tài liệu được viết độc lập và có hình thức như hiện nay. Mỗi tài liệu có thể là của tác phẩm của một hoặc nhiều tác giả dựa trên các nguồn viết hoặc nguồn truyền khẩu khác nhau. Hệ thống Wellhausenian phân biệt: Tài liệu (J), từ Jahvist của tiếng Đức, có tên Thiên Chúa Israel là YHWH. Đối với tài liệu Elohist (E), Thiên Chúa của Israel có tên là Elohim. Tài liệu Đệ nhị luật (D) hay luật thứ 2, được biên soạn bởi một nhà lập pháp đến từ Giêrusalem dưới thời của Vua Giôsia vào cuối thế kỷ thứ 7 trước Công nguyên. Tài liệu P, đến từ tiếng Đức *Priestercodex* hoặc *Priesterschrift*, được viết bởi các tư tế Giêrusalem trong thời kỳ lưu đày ở Babylon (582-538) vào thế kỷ thứ 6 trước Công nguyên.

của chúng ta hôm nay³. Đối với Gerhard von Rad⁴, yếu tố nước của St 1,2 một khối chất lỏng và hỗn loạn, đối nghịch với sự sáng tạo, trong khi nước của St 2 giúp đỡ và thúc đẩy sự sáng tạo, như một dòng chảy ngấm tưới tiêu cho trái đất. Giữa hai trình thuật cũng có một số dị biệt khác về thời gian: trong St 1, Thiên Chúa tạo dựng các loài động vật trước tiên vào ngày thứ sáu (St 1,24. 27) trong khi ở St 2, dường như con người được tạo dựng trước tiên (St 2,7. 19). Việc tạo dựng người nam và người nữ dường như diễn ra đồng thời ở St 1,27 trong khi lại có sự khác biệt rõ ràng nơi St 2,22. Về việc đặt tên, trong St 1, chính Elohim đã đặt tên cho mỗi thứ, trong St 2,19-20, YHWH trao ban cho Adam khả năng đặt tên cho các loài động vật.

Và cuối cùng là sự khác biệt trong phương thức hành động của Thiên Chúa: Trong Sáng Thế 1, chính lời Thiên Chúa là nguồn gốc của sự sáng tạo và trong Sáng thế ký 2, sự sáng tạo liên quan đến “những hành động thủ công” của Đức Chúa (YHWH) (Ngài “tạo hình” con người, “trồng” khu vườn, “đặt” con người vào vườn, v.v.). Quả thật, nếu chúng ta so sánh các yếu tố khác biệt của bản văn, chúng ta dễ dàng đưa đến kết luận có hai trình thuật ghép khéo léo vào nhau.

Không phủ nhận sự hiện diện của các nguồn trong trình thuật, chúng ta cần bước vào thế giới của người biên tập cuối cùng, khi ông ta nhìn nhận bản văn của mình như thế nào và tại sao ông lại sắp xếp nó theo cách đó. Chúng ta cần đọc các văn bản một cách đồng đại, nghĩa là, như những tác phẩm mạch lạc được viết vào một thời điểm cụ thể; lối chú giải ngày trước hơn có xu hướng tư duy theo lịch đại, phương pháp tìm kiếm xem một tác phẩm ra đời như thế nào và khi nào, và sử dụng những nguồn nào, v.v. Sự thay đổi trong nghiên cứu Kinh thánh từ cách tiếp cận lịch đại cũ sang cách tiếp cận đồng đại đương thời phản ánh một sự thay đổi tương tự trong cách tiếp cận ngôn ngữ học đương đại. Khoảng năm mươi năm trước đây, ngôn ngữ học tập trung vào hình thức biến đổi ngôn ngữ, đi tìm từ nguyên và đổi mới ngữ pháp và giải thích ngữ nghĩa từ một thời kỳ này sang kỳ khác. Nhưng ngôn ngữ học hiện đại quan tâm nhiều hơn đến việc khám phá bản chất của một ngôn ngữ hoặc phương ngữ cụ thể, với các vấn đề về hình thành cấu trúc ngữ pháp và xác định ý nghĩa của các từ ở trong cách sử dụng. Như thế, các cách tiếp cận đồng đại và lịch đại đối với ngôn ngữ và văn học đều có giá trị và bổ sung cho nhau. Việc khám phá lịch sử của một ngôn ngữ và hình thức cụ thể của nó tại một thời điểm trong lịch sử của nó là đúng đắn⁵.

³ Wenham, Gordon J., *Genesis 1–15*, V. 1, Word Biblical Commentary, published by Zondervan, ePub edition August 2017: ISBN 978-0-310-58585-5, “Genesis in Recent Research”.

⁴ *Genesis: A Commentary* [Philadelphia: Westminster, 1972], 76.

⁵ Tính bổ sung của hai bản văn Sáng tạo theo cách đọc đồng đại được minh chứng như sau: chúng ta hãy bắt đầu bằng câu kết của Sáng thế 1: וַיֵּרָא אֱלֹהִים אֶת-כָּל-אֲשֶׁר עָשָׂה וְהִנֵּה-טוֹב מְאֹד וַיְהִי-עֶרְבַּ וַיְהִי-בֹקֶר יוֹם הַשִּׁשִּׁי (Gen. 1:31 BHS). (Thiên Chúa thấy tốt đẹp những gì Ngài đã làm, một buổi chiều và một buổi sáng: đó là ngày thứ sáu). Trong câu tiếp theo, bắt đầu chương 2, nhận định công việc của Thiên Chúa đã xong וַיֵּלֶךְ הָאֱלֹהִים וַיִּבְרָא אֶת-אָדָם בְּדָגְרָא (Gen. 2:1 BHS). (Đã hoàn tất Trời và Đất cùng các cơ binh). Khi sách Sáng thế hình thành ở giai đoạn cuối cùng, giống như Kinh thánh chúng ta có hiện nay, trình thuật tạo dựng nói riêng cũng như Kinh thánh Cựu ước không được phân thành chương và câu; Mãi về sau người ta mới thêm vào những cách phân chia này để sắp xếp và có thể tham chiếu rõ ràng hơn các đoạn văn Kinh thánh khác nhau. Nếu không có sự tách đôi giữa St 1,31 và 2,1; chúng ta thấy ngay vào cuối ngày thứ sáu, Thiên Chúa đã hoàn thành công việc tạo dựng không gian Trời và Đất, nhưng việc sáng tạo thời gian vẫn tiếp diễn, hai câu tiếp theo, chúng ta đọc: “Thiên Chúa hoàn tất công việc Ngài đã làm vào ngày thứ bảy; và ngày thứ bảy, Ngài nghỉ mọi công việc Ngài đã làm. Thiên Chúa chúc phúc cho ngày thứ bảy và thánh hóa nó, vì ngày đó Ngài ngưng mọi công việc Ngài đã làm.” Thiên Chúa đã tạo dựng Trời và Đất cùng mọi sự bằng chính Lời của Ngài, và sáng tạo ngày Sabat, ngày thứ 7 bằng cách ngưng nghỉ các hành động của Ngài. Rồi chúng ta đến câu bốn, chương hai (St 2,4): וַיִּבְרָא אֱלֹהִים אֶת-הַשָּׁמַיִם וְאֶת-הָאָרֶץ (Gen. 2:4 BHS). Từ tôledôt tiếng Do Thái được dịch với ý nghĩa nguồn gốc trong Phiên bản CGKPV (St 2,4a: Đó là gốc tích trời đất khi được sáng tạo), và được phân chia như câu kết của trình thuật sáng tạo chương 1. Nhưng nếu chúng ta xem xét lại từ Tôledôt trong bối cảnh sách Sáng thế, Tôledôt là từ tóm tắt những gì đã xảy ra giữa St 1,1 và St 2,3 hoặc là tựa đề cho những gì được mô tả tiếp theo. Thật vậy, biểu thức tôledôt được sử dụng 10 lần trong sách Sáng thế (11 lần nếu chúng ta tính luôn lần ở trong 36,9 lặp lại 36,1): 2,4; 5,1; 6,9; 10,1; 11,10; 11,27; 25,12; 25,19; 36,1 (9); 37,2. Whybray không công nhận rằng biểu thức tôledôt là yếu tố cấu trúc, vì 2 lý do sau đây: a) Từ tôledôt không có cùng một ý nghĩa trong các ngữ cảnh khác nhau. Ví dụ trong 5,1; 10,1; 11,1, từ tôledôt có nghĩa là gia phả, danh sách thành viên gia đình, v.v... Trong trường hợp 2,4: “Đó là nguồn gốc trời đất khi được sáng tạo”. b) Trong 2,4, biểu thức dùng để kết thúc tường thuật 1,1-2,4a, trong khi đó ở các nơi khác biểu thức dẫn nhập đoạn văn, ví dụ trong 37,2. Tuy cách dịch khác nhau, nhưng ý nghĩa của từ tôledôt luôn có ý nghĩa là “những gì hay những ai được sinh ra bởi...” Và có lúc, biểu thức này dẫn vào một danh sách các tên, nghĩa là một gia phả (5,1; 10,1; 11,10; 25,12; 36,1. 9); và lúc khác, biểu thức dẫn theo một câu chuyện: 2,4; 6,9; 11,27; 25,19; 37,2. Và một tường thuật

Phương pháp đọc theo lối trình thuật đồng đại sẽ giúp chúng ta khám phá ý nghĩa mới của chu trình trình thuật tiếp diễn theo nhau, sẽ giúp chúng ta hiểu hơn ý nghĩa của con đường và thánh ý của Thiên Chúa trong tâm nhìn Sáng tạo liên tục luôn mới của con người và vũ trụ, hướng đến Nước Trời vĩnh cửu.

Tương quan chu trình Sáng tạo giữa St 1,1-2,3 và St 2,4-25; 3,1tt

St 1,2-31 phác thảo sự sáng tạo theo trình tự thời gian, thật ra, các câu 2,1-3 cũng thuộc về phần này. Chúng ta nhận thấy rằng các câu 2-31 triển khai luận đề trong St 1,1. Đương nhiên, bản văn không giải thích sự sáng tạo không theo cách khoa học, và cũng chẳng ai quan tâm đến vấn đề này trong nhiều thế kỷ cho đến tận bây giờ. Các khoa học gia cũng không chứng minh được nguồn gốc của vũ trụ, suy cho cùng họ cũng chỉ dùng những lý thuyết hợp lý nhất đối với thời đại hôm nay để trình bày sự xuất hiện của vũ trụ, vạn vật và con người cũng như trật tự của thế giới. Cũng thế, tác giả của sách Sáng thế đã muốn mang lại ánh sáng về nguồn gốc thế giới theo cách hợp lý cho những gì họ tin, Thiên Chúa đã sáng tạo và hơn thế nữa Ngài trao ban trách nhiệm cho con người đối với môi trường và thế giới của họ. Những sự thật làm cơ sở cho niềm tin này được trình bày một cách đơn giản. Thiên Chúa tạo dựng trời, đất và vạn vật trong sáu ngày; Ngài nghỉ ngơi vào ngày thứ bảy. Con người được miêu tả là “vương miện” của sự sáng tạo của Thiên Chúa. Tuân theo hình thức trình thuật theo bố cục thời gian, sáng tạo con người được đề cập đến một cách tổng quát St 2,26-31.

St 2,4-25 quay lại chủ đề tạo dựng con người với một câu chuyện chi tiết hơn nhiều, không hề mâu thuẫn với chương một, như các học giả trước đây đã gợi ý. Trong trình thuật chương 1, Thiên Chúa đã tạo dựng nên con người, nhân loại nói chung, không có mào từ xác định (מַאֲדָם), cả nam lẫn nữ, (1,26-27), chương thứ 2 đi vào cụ thể hành động của Thiên Chúa trong việc tạo ra con người cả nam lẫn nữ. Chúng ta đặt tương quan này trong bảng đối chiếu dưới đây:

với biểu thức tôđốt bàn về hậu duệ của nhân vật nhắc đến trong biểu thức. Ví dụ, biểu thức 6,9 dẫn vào lịch sử ông Nôê và gia đình của ông ...

Chúng ta cần phân biệt ý nghĩa một từ và cách dùng của từ trong một ngữ cảnh. Từ tôđốt có ý nghĩa trong từ vựng và cũng có ý nghĩa khác trong ngữ cảnh được sử dụng. Chúng ta nên xem lại phân biệt về vấn đề này của nhà ngôn ngữ học F. de Saussure giữa "ngôn ngữ" và "lời", giữa cấp độ trừu tượng của khả năng ngôn ngữ và cấp độ cụ thể, trong diễn văn, nghĩa là trong ngữ cảnh. Ở đây, nghĩa tôđốt luôn không thay đổi, chỉ có hai cách dùng trong hai loại ngữ cảnh khác nhau mà thôi. Tất cả các biểu thức tôđốt đều đóng vai trò dẫn nhập, ngay cả biểu thức của 2,4a, bởi vì từ tôđốt luôn được theo tên của người sinh ra, chứ không bao giờ là tên của người được sinh ra. Như đã nói, tuy Pvcgk dịch là "Đó là gốc tích trời đất khi được sáng tạo", nhưng chúng ta hiểu ở đây là "lịch sử của những gì được sinh ra bởi trời và đất". Thật vậy, Trời và đất sinh ra, chính là thế giới mô tả trong St 2,4-25. Hơn nữa, có lẽ biểu thức tôđốt trong 2,4a khó có thể là kết luận của tường thuật sáng tạo, vì St 1 không nói rằng vũ trụ sinh ra, nhưng vũ trụ được sáng tạo.

St 2,5 như hàm ý rằng sự tạo dựng của Thiên Chúa vẫn luôn tiếp diễn hoặc như lời bình luận trong ngoặc đơn rằng Thiên Chúa tạo dựng trời và đất đầu tiên, trước khi Ngài tạo nên hệ sinh thái thực vật, mưa và con người trên trái đất. Bây giờ, văn bản nhanh chóng chuyển sang điểm chính, điểm trung tâm của toàn bộ phần này (tiếp tục cho đến hết chương bốn) – đến những điểm nổi bật quan trọng trong các sự kiện xảy ra vào đầu lịch sử loài người, bắt đầu, với các chi tiết bổ sung về hành động của Thiên Chúa trong việc tạo dựng tổ tiên nhân loại (St 2,7), và tiếp tục với những sự kiện xảy ra trong những năm đầu tiên họ tồn tại. Trên thực tế, câu chuyện này quan trọng đến mức chúng ta cảm nhận được ảnh hưởng của nó cho đến ngày nay.

Như thế, nếu chúng ta chú giải theo hai phiên bản khác nhau và mâu thuẫn nhau của trình thuật Sáng tạo, chúng ta sẽ bỏ qua quá trình hình thành được Thiên Chúa linh hứng và mời gọi các nhà chú giải nói riêng và chúng ta nói chung tìm hiểu ý nghĩa mạc khải của bản văn mà chúng ta đọc ngày hôm nay. Đầu tiên nó thảo luận về trình tự thời gian chung của quá trình hình thành trời và đất, sau đó là những gì đã xảy ra trên trái đất, môi trường cuộc sống của chúng ta.

Với trình thuật Tạo dựng, chúng ta không tách Lời quyền năng để thực hiện công trình Sáng tạo khỏi các hành động Khác của Thiên Chúa, nhất là công trình cứu độ của Ngài. Đây là phần tổng quan của câu chuyện lịch sử giúp chúng ta đi xem xét cận cảnh một phần của bức tranh lớn, cung cấp cho chúng ta những chi tiết bổ sung về nguồn gốc của loài người mà chúng ta chỉ đề cập thoáng qua trong câu chuyện đầu tiên. Chương 1 của sách Sáng thế có tầm nhìn tổng quan theo trình tự thời gian và chương 2 tập trung vào A-đam, Èva và Vườn Địa đàng với một trật tự khác: St 1 khai triển 6 ngày sáng tạo với đỉnh điểm là sự tạo dựng con người (St 1,27), trong khi đó St 2 chú trọng đến “ngày thứ 6” (St 2,7-8; 18-25). Như thế, St 2 không phải là một câu chuyện thêm vào mà là một trình thuật tương quan mang tính bổ sung. St 2-3 không còn được xem là bản văn có trước St 1 mà như là phần mở rộng của trình thuật sáng tạo.

Hơn nữa, chúng ta nhận thấy rằng những chú giải trước đây tự mang hình thái “thông thái” hay “bác học” dù đi theo tiếp cận đồng đại hoặc lịch đại đã không thực sự đặt ra câu hỏi về Thiên Chúa sáng tạo hay ý nghĩa của mạc khải. Các khía cạnh được đề cập xoay quanh các vấn đề về thành phần và sắp xếp các tài liệu hơn là ở mức độ đóng góp thần học trực tiếp và cụ thể của chúng.

St 1,1: “Trời và Đất”	St 2,4: “Đất và trời”: cụm từ chú trọng đến Đất: Đất là nơi ở đó thực hiện hành động Thiên Chúa. St 2,5: Thiên Chúa chưa cho mưa đổ xuống,...Nhưng nước có từ trong lòng Đất, tưới khắp mặt Đất, Đất có nước, sẽ trở thành chất liệu sáng tạo Con người.
St 1,26: וַיֹּאמֶר אֱלֹהִים (Thiên Chúa nói). Lời của Thiên Chúa. St 1,26 כְּדִמְיוֹתֵנוּ בְּצַלְמֵנוּ אָדָם וְעֵצָה (Chúng ta hãy làm con người)	Bàn tay Thiên Chúa sáng tạo Con người bằng Đất, ’ādām ; từ này có lẽ phát xuất từ ’ādāmā là đất. ’ādām, trở thành tên riêng của con người tiên khởi: A-đam (1,26; 4,25; 5,1.3).
St 1,26: Ý định của Ngài St 2,7: Hơi thở của Thiên Chúa וַיִּבְרָא אֱלֹהִים אֱדָם בְּדִגְלַת יִרְדֹּו (Con người làm chủ...)(St 1,26). Trong ý định của Thiên Chúa, Con người, hình ảnh của Ngài, đỉnh cao, hơn tất các sinh vật khác, và có quyền trên mọi tạo vật.	St 2,8-17: Thiên Chúa tạo dựng một khu vườn có tất cả cho Con người, Họ có nhiệm vụ làm việc trong khu vườn: canh tác và coi sóc,...
St 1,27: אֱלֹהִים בְּצַלְמֵם בְּצִלְמוֹ אֱתֶהְאָדָם וַיִּבְרָא (Thiên Chúa sáng tạo...) St 1,26. 28. Lời Thiên Chúa thể hiện ý định của Ngài. 3 lần động từ “tạo dựng”, hành động cụ thể của Thiên Chúa. Hành động liên quan đến Lời của Ngài, nhưng cũng như loan báo trước hành động cụ thể khác.	St 2,7: Bàn tay của Thiên Chúa, Ngài nặn ra con người; Ngài thổi hơi vào lỗ mũi con người. St 2,19-20.
St 1,29-30: Ngài đã ban cho Con người tất cả các loại cây có mang hạt giống để làm thực phẩm, có nghĩa là họ không bao giờ thiếu lương thực.	St 2,18-25: Thiên Chúa tiếp tục công việc sáng tạo với đôi bàn tay của Ngài,... Người nữ với người nam chỉ là một,...

Việc đặt đối chiếu những yếu tố chủ yếu của trình thuật Sáng tạo đầu tiên với trình thuật tiếp theo trong chương 2, cho phép chúng ta nhận thấy một bên ý định Thiên Chúa, biểu hiện bằng Lời của Ngài, bên khác chính là sáng tạo cụ thể diễn đạt bởi hành động của bàn tay Ngài.

Nếu Sáng thế 1,1 khởi đầu trình thuật với chủ đề sáng tạo “trời và đất”, bao hàm nội dung sáng tạo của Thiên Chúa trong những câu tiếp theo sau bằng chính Lời của Ngài. Bản văn diễn đạt thánh ý quyền năng của Ngài, sáng tạo Trời và Đất (vũ trụ), từ “tohu bohu, chưa có hình thái (form), và khi có Đất như chất liệu, nuôi dưỡng bởi nước, là môi trường sinh thái cho địa cầu, trong khi đó, trình thuật thứ hai cho chúng ta thấy, bàn tay Thiên Chúa trải nghiệm cụ thể công việc sáng tạo, nhất là sáng tạo Con người, tác phẩm hoàn hảo như Ngài muốn. Con người được hình thành từ đất với bàn tay hơi thở của chính Thiên Chúa nói lên tất cả ý nghĩa của cuộc sống, sự sống Thiên Chúa đã khởi đầu trong đất, không thể tách lìa với đất, hơi thở tại sự sống cho đất làm hàm ý loan báo sự sống của thừa hưởng được sự sống của chính Đấng Sáng tạo ra họ. Thật vậy, thánh vịnh 33,6-9 đã diễn đạt tuyệt vời công trình Sáng tạo của Thiên Chúa với thi ca: “*Lời Thiên Chúa phán, sáng tạo chín tầng Trời; Hơi thở của Ngài tạo thành muôn tinh tú* (c. 6).”

Tác giả thánh vịnh nhắc nhở chúng ta rằng công trình tạo dựng là một món quà của Thiên Chúa, là hoa trái của Lời Ngài (“Thiên Chúa phán”); Lời phát âm trong thời gian nơi đó xuất phát thể giới vật chất nhưng cũng thể hiện ý nghĩa. Thật vậy, lời trong tiếng Hípri là *dabar*, bao hàm tổng hợp hành động/biến cố. Lời không chỉ diễn đạt ý nghĩ, nhưng là nhận thức và hành động liên tục của Thiên Chúa. Tương tự, logos, tiếng Hy Lạp bao hàm ý nghĩa và lý lẽ. Như thế, Thiên Chúa sáng tạo bằng Lời, biểu đạt dần dần đến hiện hữu, có ý nghĩa và vận hành bởi lý trí, có tính sáng tạo theo sức mạnh của lời Thiên Chúa, bao hàm các quan hệ: quan hệ giữa Đấng Sáng tạo và Con người, quan hệ của Con người và các loài thụ tạo khác, và nhất là quan hệ giữa chính con người với nhau. Tóm lại, Logos sáng tạo, là khởi đầu, và luôn theo sau các hành động trực tiếp của Ngài trên thế giới Con người.

Con người vừa là thể hiện của Lời Đấng Tạo dựng và kết quả do bàn tay của Ngài, như thế, tuy con người lệ thuộc vào Thánh ý và trải nghiệm của Đấng Sáng tạo, con người hưởng sự tự do và năng quyền được trao ban từ Ngài (St 1,26-31). Con người được trao ban quyền “làm chủ” (וְכָבֵדְהָם וְרָדוּ) (St 1,28), không theo nghĩa hiện nay, giữa chủ nhân và thuộc cấp, nhưng con người như là nguyên lý, là trung tâm. Nó được coi là cấu trúc cơ bản trong đời sống của Tạo hóa. Chúng ta thậm chí còn nhìn thấy một hệ thống phân cấp của các sinh vật được đặt ở đó (trái ngược với những gì chúng ta có thể nghe hoặc nghĩ trong một số phong trào sinh thái. Tương tự như vậy, con người là trên hết, không thể thiếu và cần thiết).

Khi đó lời đầu tiên Thiên Chúa nói với con người là vì sự sống và khả năng sinh sản. Đó là một từ triển khai và tăng trưởng. Điều này tốt. Vì thế, đây là lời kêu gọi đón nhận và biết ơn đối với sự sống này và sức sống này của Công trình Tạo dựng. Điều này được bổ sung bằng lời kêu gọi phục tòng hoặc thống trị, nghĩa là trở thành người thống trị/chúa tể. Làm thế nào con người nên là chúa tể hay người quản lý? Điều gì đặc trưng cho anh ta, liệu hình ảnh Thiên Chúa trong anh ta được thể hiện cụ thể bằng lý trí, logos, nhận thức ý nghĩa? Con người là người phải đưa ra ý nghĩa và sử dụng lý trí của mình để làm cho loài thụ tạo phát triển và tồn tại. Như thế, vị trí và chức năng con người là nền tảng trong tạo dựng⁶.

Trong phần còn lại của trình thuật, tất cả đều được Thiên Chúa ban cho! Thiên Chúa đã ban cho con người tất cả để ngày càng trở nên giống Ngài: Con người là đỉnh điểm thiện hảo trong công trình sáng tạo, vì con người được trao ban mọi nguồn lực để sống, để có trách nhiệm, làm chủ hay quản lý, để trả lời những vấn đề tiếp diễn theo sáng tạo, nói đúng hơn, Thiên Chúa tiếp tục sáng tạo và dần dần thể giới đến niềm hy vọng vĩnh cửu, vinh quang của Chính Ngài, mà chúng ta tóm gọn trong hai từ “cứu độ”. Sự cứu độ nhân loại và vũ trụ không chỉ nhận thức qua Lời và Thánh ý của Thiên Chúa, nhưng trong quá trình làm người của nhân loại. Quả thật, trình thuật tiếp nối dần dần chúng ta hiểu hơn về “mầu nhiệm” này.

Quả thật, St 3,17-19 tiếp tục câu chuyện Sáng tạo với mặt trái của Con người, chính là sự căm dỗ hay thử thách trong tự do và trách nhiệm của Con người, qua sự đổ vỡ, khuyết điểm, rối loạn nguyên thủy trong ước vọng nhân loại mà truyền thống Kitô giáo diễn giải với khái niệm sa ngã hay tội lỗi⁷. Theo trình thuật Sáng tạo trong chương 1 và 2, Thiên Chúa luôn đặt tin tưởng

⁶ Trong khu vườn tạo dựng bởi Thiên Chúa, con người được giao phó một sứ mệnh kép, sứ mệnh được Đức Giáo hoàng Phanxicô giải thích ý nghĩa trong *Laudato si'* (67): “The biblical texts are to be read in their context, with an appropriate hermeneutic, recognizing that they tell us to ‘till and keep’ the garden of the world (cf. Gen 2:15). ‘Tilling’ refers to cultivating, ploughing or working, while ‘keeping’ means caring, protecting, overseeing and preserving. This implies a relationship of mutual responsibility between human beings and nature. Each community can take from the bounty of the earth whatever it needs for subsistence, but it also has the duty to protect the earth and to ensure its fruitfulness for coming generations. ‘The earth is the Lord’s’ (Ps 24:1); to him belongs ‘the earth with all that is within it’ (Dt 10:14). Thus God rejects every claim to absolute ownership: ‘The land shall not be sold in perpetuity, for the land is mine; for you are strangers and sojourners with me’ (Lev 25:23)”.

⁷ Câu trả lời của Thánh Augustinô cho vấn đề sự dữ được gói gọn trong hai từ: “tội nguyên tổ”. Toàn bộ thần học của ngài (đặc biệt là vấn đề khó khăn về mối quan hệ giữa bản tính và ân sủng) được xây dựng xung quanh khái niệm này. Augustine chú giải trình thuật Sáng thế theo

vào Con người, khi trao ban cho họ trách nhiệm làm chủ và quản lý các sinh vật trên đất cũng như môi trường sinh sống. Khi nắm trong tay trách nhiệm được giao phó, họ chuyển đổi thành việc nắm giữ quyền lực, họ bị cám dỗ theo hướng hoàn toàn tự chủ, độc lập với mọi mối quan hệ, và nguyên nhân tối thượng là không tuân giữ Lời Ngài. Eva, qua sự cám dỗ của con rắn, đã tự tiện ăn lấy “trái cấm”, thể hiện bất tuân Lời Thiên Chúa, sau đó đưa nó cho A đam ăn. Cặp nguyên tố đã trạch hướng, hệ quả là phẩm giá “tốt đẹp” nguyên thủy được trao ban bởi Thánh ý Thiên Chúa ở dưới sức mạnh của sự dữ. Tội lỗi mang con người ra khỏi chiều kích thánh ý, khỏi lý trí, khỏi sự hòa hợp với khu vườn thiên nhiên của Thiên Chúa tạo nên, vượt ra ngoài giới hạn, như lề luật của Lời Ngài⁸.

Kinh thánh tiếp tục câu chuyện trong St 4,9-12, tội lỗi ngày càng phát triển và trở nên tồi tệ hơn, làm rạn nứt tình huynh đệ. Cain canh tác, còn Abel chăn nuôi nảy sinh lòng ganh tỵ; thay vì bổ sung cho nhau trong sự phát triển con người, họ đã không chào đón nhau, đối lập và cạnh tranh với nhau, thiếu sự thừa nhận lẫn nhau trong sự khác biệt bổ sung là nền tảng của việc sống chung hòa bình và thịnh vượng. Nhưng mỗi dây liên kết huynh đệ nói riêng và với thụ tạo nói chung, không thể mất đi. Họ phải học hỏi cách sống chung, kiến tạo hòa bình, vượt trên sự chia rẽ, nghi ngờ nhau, sự không ổn định và ngẫu nhiên của vũ trụ. “Mọi thứ đều được liên kết với nhau!”⁹ như Đức Giáo hoàng Phanxicô đã nói trong thông điệp *Laudato si'* số 70.

Thiên Chúa duy nhất, là Đấng luôn theo bước chân của Con người, của Dân Ngài tuyển chọn, Dân trung thành với Lời hứa của Ngài, để nhờ dân tộc này, mọi dân trên thế giới nhận biết Ngài. Lời Ngài, Hơi thở của Ngài, Thánh ý của Ngài không chỉ là logos trên Trời, mà logos hiện diện trong thế giới Con người qua dân tộc Ngài tuyển chọn. Ngay từ đầu hai trình thuật Sáng tạo bổ sung lẫn nhau giúp chúng ta hiểu rõ hơn mầu nhiệm nhập thể của Con Một Thiên Chúa, được các Tông đồ và Thánh sử làm chứng mà Giáo hội chúng ta nhận được từ truyền thống và các bản văn Tân ước.

Lời và bàn tay sáng tạo của Thiên Chúa thể hiện trọn vẹn trong Mầu nhiệm Đức Giêsu Kitô

Nếu chúng ta có hai trình thuật sáng tạo bổ sung với nhau trong St 1-2 trong Cựu ước - Lời uy quyền của Thiên Chúa tạo dựng tất cả từ hư vô và đôi tay thánh nhào nặn đất thành con người đặt trong khu vườn Eden, môi trường sống của nhân loại – thì trong Tân ước, Logos, biến cố nhập thể của Con Thiên Chúa không thể tách rời với việc rao giảng Tin mừng.

nghĩa đen, cho phép ngài minh oan cho Thiên Chúa khỏi tội ác đã phạm: trên thực tế, văn bản nói rõ rằng chính Con Rắn là kẻ đầu tiên đã cám dỗ Eva, sau đó là Adam. Phần đầu tác phẩm *De Libero Arbitrio* (1,2,4), Evodius hỏi ngài: “d’où vient le péché?” (Tội lỗi đến từ đâu?) Augustin trả lời: « Tu soulèves là un problème qui m’a violemment agité dans mon adolescence et qui, de guerre lasse, m’a poussé vers l’hérésie et m’y a précipité ». Vài dòng sau đó, ngài khẳng định lại vấn đề: “Nous croyons que tout ce qui existe vient d’un seul Dieu, et cependant que Dieu n’est pas l’auteur des péchés”.

⁸ Ngày nay nhân loại vẫn luôn đi theo cám dỗ, đưa đến tội lỗi: những thành phố trên thế giới ngày càng lớn hơn và hào nhoáng bề ngoài hơn, một nền khoa học ngày càng thao túng cuộc sống và đặc biệt là trên sự sống và cái chết của con người, nhiều phương tiện giao thông tách rời lãnh thổ, nhiều vụ mùa thâm canh làm hao mòn trái đất. Những “bụi rậm hoang dã và cây cúc gai” minh họa trái đất bị tàn phá và tạo ra những sản phẩm không thể sử dụng được và độc hại ở mọi khu vực trên thế giới chứ tất nhiên không chỉ ở thế giới nông thôn. Có nhận thức về sự mong manh của trái đất, sự cân bằng và quy luật của nó. Trái đất nhắc nhở chúng ta rằng chúng ta là bụi đất và tội lỗi đã phạm gắn liền với cái chết của con người cũng như của thụ tạo. Chúng ta hãy lưu ý rằng chúng ta luôn sống dưới cám dỗ tội lỗi này.

⁹ Trình thuật Sáng tạo không thể kết thúc và tiếp tục trong các chương tiếp theo của sách Sáng thế qua câu chuyện Hồng thủy và sau đó Tháp Babel. Thiên Chúa có thất vọng về thế giới rạn nứt và mất cân bằng này không? Chắc hẳn là không, vì Ngài vẫn tiếp tục chúc phúc và dẫn dắt con người tội lỗi, hoàn cải trái tim của họ và làm mới họ. Hồng thủy không hủy diệt tất cả, vẫn còn một phần nhỏ sót lại, có một người công chính (tuy không hoàn toàn) là Nô-ê, có nhiệm vụ bảo tồn sự sống của thế giới. Việc Thiên Chúa đưa nhân loại kiều cang trong trình thuật Babel vào thế giới ngôn ngữ đa dạng và phân tán khắp nơi không phải là một hình phạt cho bằng một thách đố kép của Thiên Chúa: một mặt, làm sao họ có thể quy tụ cùng nhau để đến với Trời, nơi cư ngụ của Thiên Chúa, mặt khác làm sao họ hòa giải với anh em đồng loại vượt trên những khác biệt ngôn ngữ và môi trường văn hóa đa dạng của thế giới? Phần đầu của sách Sáng thế (St 1-11), đi từ sáng tạo, sa ngã, hồng thủy đến câu chuyện của tháp Babel, cho chúng ta thấy chương trình của Thiên Chúa, ở đó Ngài luôn chúc phúc, dẫn dắt con người trong sự tự do Ngài trao ban cho họ ở trong thế giới thụ tạo. Phần tiếp theo minh chứng chúng ta rằng Thiên Chúa không như các vị ngẫu thần, nhưng là Thiên Chúa của Con người, của Abraham (12,1-25,28), Isaac (25,19-26,35), Gia cốp (27-36), và Giuse (27-50).

Lời mở đầu của Tin Mừng theo thánh Gioan (Ga 1,1-18) như một bài thánh ca sâu sắc và uy lực. “Ev ἀρχῇ ἦν ὁ λόγος (Jn 1,1 BNT)” (Từ nguyên thủy, Ngôi lời đã hiện hữu), khởi đầu của Tin mừng theo thánh Gioan gọi chúng ta nghĩ tới sự sáng tạo bằng cách sử dụng những lời mở đầu câu chuyện sáng tạo trong St 1,1: “בְּרֵאשִׁית (Gen. 1:1 BHS).” Khởi đầu Kinh thánh, Lời của Thiên Chúa tự mạc khải như hành vi tạo dựng (St 1,1-5): Thiên Chúa nói và lời của Ngài hành động. Xuyên suốt Cựu Ước, chúng ta cũng thấy các ngôn sứ nói đến Lời của Thiên Chúa, như chính Ngài đang hành động (Is 55,10-11; Gr 1,4-5; Ps 33,6).

So sánh với trình thuật tạo dựng của sách Sáng thế, Lời Thiên Chúa, *dabar* trong tiếng Hípri trở thành *logos*¹⁰ trong tiếng Hy Lạp theo Ga 1,1-18, đồng hiện hữu với Thiên Chúa từ muôn đời, cùng hoạt động trong công trình sáng tạo và trong lịch sử Israel, Lời nhập thể trong Chúa Giêsu. Ga 1,1-18 tóm lược chương trình sáng tạo cứu độ của Thiên Chúa đi đến thời đại đỉnh điểm trong mầu nhiệm của Chúa Giêsu, Đấng Kitô, Ngôi Hai Thiên Chúa.

Gioan 1,1-2 khởi đầu với tuyên xưng Đức Tin Ngôi Lời chính là Thiên Chúa, không giống như “Đức Khôn ngoan” chỉ là thụ tạo (Cn 8,22-25) và chuyển sang sự sáng tạo thế giới (1,3-5). Sau đó Gioan kể lại hoạt động của Lời Chúa trên thế giới và đặc biệt là trong lịch sử dân Israel của Ngài (1,6-13). *Logos* Thiên Chúa trở thành người trong Chúa Giêsu mà không mất đi Thiên tính của mình. Ngôi Lời mạc khải trọn vẹn Thiên Chúa Cha bằng con đường của nhân loại (Ga 1,11-14), và do chính con người làm chứng cho Ngài (Ga 1,15), nhờ vậy nhân loại, loài thụ tạo, được cứu độ trở thành nghĩa tử, đón nhận ân sủng và sự thật của Thiên Chúa (1,16-18).

Trước khi Tin mừng theo Thánh Gioan được viết, thánh Phaolô đã diễn đạt biến cố Con Thiên Chúa với những bài ca Kitô học tuyệt diệu. Trong Pl 2,5-11, Phaolô không dùng từ *Logos*, tiền hiện hữu của Chúa Giêsu trước mọi loài thụ tạo như trong Ga 1,1-3, cũng không nói về Ngài như trung gian sáng tạo của Thiên Chúa trong Hr 1,2-3 hay Cl 1,15-20, nhưng nói về Đức Kitô Giêsu “ở trong hình dạng”¹¹ của Thiên Chúa” (ἐν μορφῇ θεοῦ) và không xem trọng việc ở lại trong thiên tính “bình đẳng hay đồng bản thể với Thiên Chúa Cha”¹². Điều quan trọng đáng chú ý đối với Phaolô ở đây không phải là tiền hiện hữu của *logos*, mà “Lời” đã trở thành “đất”, Lời nhào nặn với “đất” mà Phaolô biểu đạt trong khái niệm hình thái “nô lệ” (μορφῇ δούλου), trở thành “người” (ἀνθρώπων γενόμενος) (Pl 2,7), hạ mình và vâng lời, bằng lòng chết trên thập giá (Pl 2,8), để được Thiên Chúa tôn vinh, khi Ngài phục sinh và lên ngự bên hữu Thiên Chúa Cha (Pl 2,9-11). Xét cho cùng, tất cả cũng ở trong chương trình sáng tạo và cứu độ của Thiên Chúa.

Phaolô gọi chương trình sáng tạo và cứu độ của Thiên Chúa thu gọn trong khái niệm Tin mừng¹³, và mang ý nghĩa quan trọng nhất trong Rm 1,16-17: “Ὁ γὰρ ἐπαισχύνομαι τὸ

¹⁰ Gioan chắc chắn ngụ ý Lời Thiên Chúa theo truyền thống Do Thái, khi dùng từ *logos*, từ đã có lịch sử lâu đời trong tư duy triết học Hy Lạp. Plato và Aristotle đã sử dụng thuật ngữ *logos* theo nghĩa “tư tưởng” và “hợp lý”. Đối với các triết gia Khắc kỷ, *logos* là nguyên lý điều hành và phối hợp vũ trụ theo trật tự và logic và do đó con người có thể hiểu được. Kết hợp các ý nghĩa của triết học Hy Lạp và Do Thái, Philon thành Alexandria, người đương thời với các tác giả Tân Ước đã viết rằng *Logos* của Thiên Chúa là trung gian giữa thế giới vật chất và Thiên Chúa, Đấng tuyệt đối ở bên ngoài thế giới.

¹¹ The ordinary meaning of *morphē* is “outward appearance” or what we usually mean by “form” in English. “God,” as is usual in the New Testament, means God the Father. Since Scripture asserts that God is invisible (“No one has ever seen God,” John 1:18; see also Exod 33:20), “the form of God” is a puzzling concept. God’s form, then, must mean the visible manifestation of his holiness and power through his mighty deeds, or what the Old Testament means by God’s “glory.” By becoming man the Son emptied himself of the glory, majesty, and privilege that belong to him as divine. (Dennis Hamm, SJ, Philippians, Colossians, Philemon, Baker Academic, Grand Rapids, Michigan, 2013, p. 109).

¹² The phrase “equality with God” clarifies Paul’s meaning. Translated more literally, it is “the equality with God”; “the” signals that the phrase picks up what has already been said. In other words, “equality with God” is synonymous with “being in the form of God.” A similar phrase appears in the Gospel of John, where the Jewish leaders accuse Jesus of “making himself equal to God” (John 5:18) (Dennis Hamm, SJ, Philippians, Colossians, Philemon, Baker Academic, Grand Rapids, Michigan, 2013, p. 108).

¹³ Trong bốn cuốn sách Tân Ước chúng ta gọi là “phúc âm” hay Tin mừng, từ εὐαγγέλιον rất ít thấy. Mặt khác, Phaolô sử dụng từ εὐαγγέλιον trong hầu hết các thư của Ngài (sáu mươi lần).

εὐαγγέλιον, δύναμις γὰρ θεοῦ ἐστὶν εἰς σωτηρίαν παντὶ τῷ πιστεύοντι, Ἰουδαίῳ τε πρῶτον καὶ Ἑλληνι. δικαιοσύνη γὰρ θεοῦ ἐν αὐτῷ ἀποκαλύπτεται ἐκ πίστεως εἰς πίστιν, καθὼς γέγραπται· ὁ δὲ δίκαιος ἐκ πίστεως ζήσεται.” (*Quả thật, tôi không hổ thẹn về Tin mừng. Chính là quyền năng của Thiên Chúa cứu những kẻ tin: trước là người Do Thái, sau là người Hy Lạp. Vì Tin mừng mạc khải công lý của Thiên Chúa từ đức tin đến đức tin; như có lời chép rằng: Người công chính bởi đức tin sẽ sống.*) Đối với Tông đồ dân ngoại, Tin Mừng là món quà tuyệt đối của Thiên Chúa; ơn cứu độ bắt đầu từ sáng tạo cho đến mầu nhiệm của Chúa Kitô, hoàn thành trong cái chết và sự phục sinh của Ngài, để tất cả được trở nên nghĩa tử của Thiên Chúa, hình ảnh của Ngài và giống như Ngài (St 1,26-27). Tin mừng gắn liền cuộc sống Phaolô, ngài đã trách mắng các tín hữu của xứ Galat lạc đường trong niềm tin khác với Tin Mừng ngài đã rao giảng (Gl 1,6-7), vì Tin Mừng này thuộc về lời của con người rao giảng, nhưng của Đức Kitô (Gl 1,11-12).

Đối với Phaolô, Chúa Giêsu “*được sinh ra bởi người phụ nữ và phải tuân theo lề luật*”, (Gl 4,4), Ngôi Lời đi vào lịch sử của dân Israel (Rm 9,5), từ dòng dõi ‘Ápraham (Gl 3,16), thuộc dòng dõi vua Đa-vít (Rm 1,3). Ngài không nói về những dấu lạ của Chúa Giêsu, có lẽ điều quan trọng đối với Phaolô mang ý nghĩa thần học cao trọng hơn: “*Nếu chúng ta đã biết Chúa Kitô theo cách con người thì giờ đây chúng ta không còn biết Người theo cách đó nữa*” (2 Cr 5,16). Từ nay trở đi, trong Chúa Kitô, tạo dựng mới bắt đầu (Gl 3,25-28; 6,15): Đức Kitô trở thành chìa khóa để toàn bộ Kinh Thánh mang lấy ý nghĩa tối hậu của chúng. Sứ mệnh của Phaolô là sống và loan truyền mầu nhiệm đang ẩn giấu đối với con mắt loài người: “*quy tụ toàn thể vũ trụ dưới một thủ lãnh là Chúa Kitô*” (Êp 1,10). Vì thế, Đức Kitô, Ngôi Lời của Thiên Chúa, là nền tảng và phổ quát cho tất cả nhân loại và vũ trụ, với khí giới, không phải của loài người, nhưng chắc hẳn hàm chỉ đến con đường thập giá của Đức Kitô (2 Cr 10,1-5).

Sự sống mới: hạt giống Tin mừng gieo vào lòng đất

Ngôi Lời nhập thể, Lời như hạt giống Tin mừng gieo vào lòng Đất, hay Lời như Tin mừng phát triển và luôn mới sống động trong các môi trường lịch sử và văn hóa luôn chuyển động, chính là mô thức của sứ mệnh Kitô hữu Công giáo trong thế giới đa văn hóa hiện nay. Chúng ta nhắc lại ở đây rằng sự “*hội nhập Tin mừng Kitô giáo*” (inculturation) với các nền văn hóa khác đã có từ thời các tông đồ. Trước khi thăng thiên, Chúa Giêsu đã sai các môn đệ đến tận cùng trái đất “*làm cho các dân tộc trở thành môn đệ, làm phép rửa cho họ nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, dạy họ tuân giữ những gì*” họ đã được Ngài truyền lại (Mt 28,18; Mc 16,15). Sách Công vụ Tông đồ trình thuật diễn văn có thể được coi là trường hợp đầu tiên về “*hội nhập Tin mừng vào văn hóa*” khi Phaolô phát biểu trước Hội đồng Arêôpagô tại Athen (Cv 17,22-33). Diễn văn thích ứng thần kỳ của Tông đồ không được mọi người đón nhận nồng nhiệt, cũng vì sự xung đột quá lớn không phải vì tín ngưỡng đa thần của người Hy Lạp, nhưng vì niềm xác tín sâu thẳm đến từ văn hóa của họ¹⁴: “*Khi nghe nói về kẻ chết sống lại, một số người chế nhạo, và họ đã bỏ đi*” (Cv 17,32-33).

¹⁴ Xung đột văn hóa tiếp tục cho đến khi Kitô giáo kết hợp văn hóa Hy Lạp-La Mã (August Franzen, Church History, Kirchengeschichte, Herder Freiburg, 1988, 319). Khi Đế chế La Mã chấm dứt, sự hội nhập văn hóa tương tự cũng đã xảy ra: văn hóa Trung cổ và Đức thống trị Âu châu kéo dài hàng thế kỷ (August Franzen, 321.) . Những người thực hiện hội nhập Tin mừng vào văn hóa đầu tiên trong lịch sử truyền giáo bao gồm thánh Patrick ở Ái Nhĩ Lan, các thánh Cyrillô và Methodiô đối với các dân tộc Slave ở Đông Âu.

Sau cuộc ly giáo giữa Đông phương và Tây phương năm 1054, Giáo hội Công giáo phần lớn bị hạn chế ở các khu vực phía Tây của Châu Âu. Họ đã thất bại trong việc tìm kiếm ảnh hưởng trên nền văn hóa Trung Đông với các cuộc thập tự chinh và đối với Đế chế Latinh ở Constantinople (1204–1261). Cuộc Cải cách Tin lành đã tạo ra sự chia rẽ trong Giáo hội phương Tây. Tuy nhiên, vào thời đó, việc khám phá của Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha trên các vùng đất mới tại Châu Mỹ, Châu Á và Châu Phi đã mở rộng mối liên hệ giữa Hội thánh Công giáo với các nền văn hóa và nền văn minh khác (August Franzen, 319) . Do đó, Công đồng Trentô (1545–1563), biểu đạt xu hướng hội nhập văn hóa trở nên có hệ thống hơn, khi suy ngẫm và đánh giá các yếu tố của nền văn hóa cổ xưa ngoài Kitô giáo. Những nhân vật đáng chú ý, trong số

Các vị Giáo hoàng của chúng ta cũng rất ý thức về vấn đề văn hóa. Vào cuối thế kỷ 19, Giáo hoàng Lêô XIII đã thúc đẩy sự liên văn hóa đa dạng, dẫn đến sự tái hòa nhập của Giáo hội Công giáo Armenia vào Giáo hội Công giáo vào năm 1879. Ngài phản đối nỗ lực Latin hóa các Giáo hội Nghi thức Đông phương, với luận chứng rằng đó là truyền thống cổ xưa có giá trị nhất và là biểu tượng của sự hiệp nhất thiêng liêng của Giáo hội Công giáo. Trong Thông điệp *Praeclara gratulationis* năm 1894, Ngài ca ngợi sự đa dạng văn hóa và phụng vụ trong việc thể hiện đức tin trong Giáo hội. Trong *Orientalium Dignitas*, ngài nhắc lại nhu cầu bảo tồn và nuôi dưỡng sự đa dạng và tuyên bố các nền văn hóa khác nhau là kho báu. Ngài phản đối chính sách Latin hóa của Vatican và ban hành một số biện pháp nhằm bảo tồn tính toàn vẹn và tính khác biệt của các biểu đạt văn hóa khác¹⁵.

Trong khi Đức Giáo hoàng Piô IX và Giáo hoàng Piô X có xu hướng thiên về Latin hóa, thì Đức Biển Đức XV lại đặc biệt quan tâm đến việc phát triển các hoạt động truyền giáo, vốn đã gặp nhiều khó khăn trong Thế chiến I. Ngài tin rằng hội nhập văn hóa dựa trên sự phát triển của hàng giáo sĩ trong nước, nhất là ở những vùng đất mà Kitô giáo còn mới mẻ. Vào ngày 20 tháng 11 năm 1919, ngài kêu gọi người Công giáo trên thế giới ủng hộ các phái bộ truyền giáo và đặc biệt là sự phát triển của hàng giáo sĩ địa phương, ủng hộ bỏ sự châu Âu hóa nơi các sứ bộ truyền giáo Công giáo¹⁶. Đức Giáo Hoàng Piô XI đề cao các giáo sĩ địa phương, họ nhận biết tốt hơn các nền văn hóa địa phương. Ngài tổ chức đại hội truyền giáo ở Rôma vào năm 1922. Mỗi năm ngài đích thân tấn phong các giám mục mới được bổ nhiệm từ Châu Á, Châu Phi và Châu Mỹ La tinh¹⁷. Khi ngài qua đời, 240 giáo phận Công giáo được lãnh đạo bởi các giám mục là người bản xứ, ở quốc gia nơi họ phục vụ.

Năm 1939, Đức Giáo hoàng Piô XII, vài tuần sau khi đăng quang, đã hoàn toàn đảo ngược đường lối 250 năm tuổi của Vatican và cho phép các tín hữu ở Trung Quốc tôn kính ông bà cha mẹ trên bàn thờ. Thông cáo ngày 8 tháng 12 năm 1939 của Bộ Truyền bá Đức tin, được ban hành theo yêu cầu của Đức Piô XII, tuyên bố rằng phong tục đối với những người trong gia đình đã khuất tại Trung Quốc không còn bị coi là mê tín mà là một cách tôn trọng những người thân của mình, và do đó được phép đối với người Công giáo¹⁸. Giáo hội đã thành lập 20 tổng giáo phận mới, 79 giáo phận và 38 tông tòa trong thập kỷ kế tiếp. Nhưng vào năm 1949, cuộc cách mạng Cộng sản đã chiếm lĩnh đất nước này và đàn áp Kitô giáo.

Đức Giáo hoàng Piô nhấn mạnh rằng loan báo Tin Mừng đi đôi với hội nhập văn hóa chứ không phải phá hủy các nền văn hóa địa phương. Trong *Summi Pontificatus* ngài viết rằng việc đánh giá sâu sắc hơn các nền văn minh khác nhau và những phẩm chất tốt đẹp của họ là điều cần thiết cho việc rao giảng Tin Mừng của Chúa Kitô¹⁹.

Hội nhập văn hóa cũng được đề cập trong các thông điệp *Evangelii praecones* và *Fidei donum*, lần lượt ban hành ngày 2 tháng 6 năm 1951 và ngày 21 tháng 4 năm 1957. Trong Công đồng Vatican II, Đức Phaolô VI đã ban hành sắc lệnh *Ad gentes*, dạy rằng hội nhập văn hóa bắt buộc “Chương trình Nhập Thể” (economy of Incarnation)²⁰. Đức Gioan Phaolô II đã đề cập đến vấn

những người khác, là José de Anchieta, đại diện cho người dân bản địa Brazil, Thomas Stephens ở Goa, Roberto de Nobili ở miền Nam Ấn Độ và Alexandre de Rhodes ở Việt Nam.

¹⁵ Duffy, Eamon (1997), *Saints and Sinners, A History of the Popes*, Yale University Press, 241.

¹⁶ August Franzen, 382.

¹⁷ August Franzen, 385.

¹⁸ J. Smit, *Pope Pius XII*, New York, 1950, 186–187.

¹⁹ *Evangelii praecones*, 56.

²⁰ Walker, C. (2009). *Missionary Pope: The Catholic Church and the Positive Elements of Other Religions in the Magisterium of Paul VI*. IVE Press, New York.

đề hội nhập văn hóa trong nhiều thông điệp và trong các lần xuất hiện trước công chúng. Thuật ngữ *inculturation* được sử dụng lại trong thông điệp *Redemptoris Missio* của Đức Gioan Phaolô II vào năm 1990. Sau đây là một vài trích dẫn đáng chú ý của Đức Thánh Giáo hoàng Gioan Phaolô: "*The incarnation of the Gospel in native cultures and also the introduction of these cultures into the life of the Church.*"²¹ (Việc nhập thể của Tin Mừng vào văn hóa bản địa và cũng như việc đưa các nền văn hóa vào đời sống Giáo hội).

Đức Giáo hoàng Biển Đức XVI, như người tiền nhiệm của ngài, rất coi trọng đối thoại giữa văn hóa và tôn giáo²². Mặc dù có lúc ngài đã cố gắng chuyển từ khái niệm "hội nhập văn hóa" (*inculturation*) sang "liên văn hóa" (*inter-culturality*)²³, sau này ngài tuyên bố rằng hội nhập của văn hóa đức tin là cần thiết, miễn là tính đặc thù và tính toàn vẹn của "văn hóa đức tin" không bị tổn hại²⁴.

Cũng theo con đường của các vị tiền nhiệm, trong tông huấn "Praedicate Evangelium", Đức Giáo hoàng Phanxicô hiện nay qua việc cải tổ giáo triều Rôma đã đổi tên thánh bộ "Giáo lý và Đức tin" là thánh bộ "Tin Mừng" và xếp lên hàng đầu dưới sự chủ trì trực tiếp của Ngài.

Thay lời kết: Sáng tạo mới của Thiên Chúa như Tin mừng gieo trong Văn hóa Việt Nam²⁵

Từ sách Sáng thế đến sách Khải huyền, đối với đức tin Kitô hữu, đều quy về Đức Kitô, Ngôi Lời của Thiên Chúa, Đấng Sáng tạo và Cứu độ của nhân loại. Giáo hội chúng ta đã được mặc khải, đón nhận và làm chứng cho Tin mừng ấy, liên tục trong lịch sử nhân loại (Hr 1,1-4).

Chúng ta mượn lời của Phaolô, Tông đồ đã sống "tất cả vì Đức Kitô", như một kim chỉ nam cho cuộc sống Kitô hữu: "οὐαὶ ἅπαρ μοι ἐστιν ἐὰν μὴ εὐαγγελίσωμαι. (1 Cor. 9:16 BNT)" (khốn cho tôi nếu tôi không rao giảng Tin Mừng!). Tin mừng phải được rao giảng cho tất cả mọi dân:

²¹ John Paul II, *encyclical Slavorum Apostoli*, June 2, 1985, No. 21: AAS 77 (1985), 802–803; Address to the Pontifical Council for Culture plenary assembly, Jan. 17, 1987, No. 5: AAS 79 (1987), 1204–1205.

²² Đức Giáo hoàng Biển Đức XVI khẳng định: "I am convinced that there is a great need for the whole Church to rediscover the joy of evangelization, to become a community inspired with missionary zeal to make Jesus better known and loved" và "Naturally, such evangelization has to be accompanied by a commitment to sincere and authentic dialogue between cultures and between religions, marked by respect, reciprocity, openness and charity" và ngài kết luận: "evangelization and inculturation constitute an inseparable pair, both elements of which must be present if the Gospel of Christ is truly to become incarnate in the lives of people of every race, nation, tribe and language".
http://www.fides.org/en/news/8472-VATICAN_Evangelization_and_inculturation_constitute_an_inseparable_pair_Pope_Benedict_XVI_s_message_to_participants_at_Culture_Summit_in_Asia.

²³ Ratzinger, Joseph Cardinal (2004), *Truth and Tolerance: Christian Belief and World Religions*, San Francisco: Ignatius Press.

²⁴ Folio, F. (2010), *Inculturation and interculturality in John Paul II and Benedict XVI*, Oasis, 31/10/2023.

²⁵ Văn hóa (Culture) có lẽ là một khái niệm khó "gói gọn" trong một định nghĩa. Trong Hiến chế mục vụ "Gaudium et Spes, số 53", Công đồng đã dành trọn một chương để tư duy về văn hóa và mối quan hệ với đức tin Kitô giáo: "Theo nghĩa tổng quát, chữ "văn hóa" chỉ tất cả những gì con người dùng để trau dồi và phát triển các năng khiếu đa diện của tâm hồn và thể xác; cố gắng chế ngự cả trái đất bằng trí thức và lao động; làm cho đời sống xã hội, đời sống gia đình cũng như đời sống chính trị trở thành nhân đạo hơn, nhờ sự tiến bộ trong các tập tục và định chế; sau hết, diễn tả, thông truyền và bảo tồn trong các công trình của mình, những kinh nghiệm tinh thần và hoài bão lớn lao của các thời đại, để giúp cho nhiều người và toàn thể nhân loại tiến bộ hơn". Công đồng nhấn mạnh rằng chính nhờ văn hóa mà con người đạt được đầy đủ nhân bản bằng cách ghi dấu ấn của mình trên thiên nhiên và môi trường. Văn hóa liên quan đến toàn bộ con người: thân xác ấy cũng như tinh thần, vì lợi ích chung. Văn hóa hiệp nhất các chiều kích khác nhau của hiện sinh, mang lại ý nghĩa, "hương vị" hay sắc thái của cuộc sống, nhưng cũng là hướng đi: Tiếp cận văn hóa là chạm đến nền sau của con người - giáo dục, mạng lưới liên kết, tương quan giữa người với người. Văn hóa được hiểu thông qua các giác quan như nhìn, nghe, nếm, cảm nhận, một trải nghiệm trực giác: âm thanh, màu sắc, hương vị, chuyển động, chuyển thành nghệ thuật hội họa, âm nhạc, kiến trúc,... Tất nhiên, văn hóa cũng mang chiều kích minh triết, vì chúng ta có thể tiếp xúc với nền văn hóa qua sách vở và khảo cổ... Văn hóa biểu đạt thông qua các biểu hiện tinh thần và hệ thống giá trị hàm chứa: quan hệ giới tính, giữa các thế hệ, cá nhân với tập thể, thời gian và không gian, lịch sử và "linh hồn dân tộc"... Nền sau của văn hóa nằm ở tín ngưỡng và tôn giáo, cấu trúc sâu thẳm nhất của con người, văn hóa ảnh hưởng đến ý nghĩa sự sống, cái chết, niềm tin thần thánh và được thể hiện trong ngôn ngữ, cử chỉ, biểu tượng và nghi thức.

“Ελληνίσιν τε καὶ βαρβάροις, σοφοῖς τε καὶ ἀνοήτοις ὀφειλέτης εἰμί, (Rom. 1:14 BNT)” (Tôi nợ người Hy Lạp cũng như kẻ man di, người khôn ngoan cũng như kẻ ngu dại).

Lời được gieo vào đất nhờ Đức Giêsu Kitô, chính Ngài đã sai chúng ta đi rao giảng Tin mừng ở nơi chúng ta được sai đến. Đức Giáo hoàng Phanxicô đã nói: *“Dân Thiên Chúa được nhập thể giữa các dân tộc trên thế giới, mỗi dân tộc với nền văn hoá riêng của mình. Khái niệm văn hoá có giá trị cho việc nắm bắt được những biểu hiện khác nhau của đời sống Kitô giáo hiện nay trong dân Thiên Chúa.”*

Thần học của truyền thống văn hóa Kitô giáo và truyền thống thần học của Giáo hội từ lâu đã đi đến, sống với và rao giảng Đức Kitô trong đất nước Việt Nam. Các nhân chứng Tin mừng đã đến thế giới xa lạ, gặp gỡ những con người không cùng một ngôn ngữ, đời sống văn hóa và tôn giáo đa dạng khác với những nền tảng văn hóa của các nhà truyền giáo phương Tây. Kitô hữu Việt đã nghe, đã tin và đã sống, sống cho đến cùng, nghĩa là sẵn sàng chết vì Đức Kitô như những tín hữu tiên khởi của Hội Thánh. *Hạt giống Tin Mừng đã được gieo và tiếp tục phát triển trong mảnh đất con người Việt Nam hôm nay, mà cách suy nghĩ và cách sống của họ thể hiện một nền văn hóa đặc thù.*

Biến cố Đức Kitô, như thánh Phaolô và thánh Gioan diễn đạt với hai trục chuyển động chính: mâu nhiệm nhập thể và biến cố phục sinh, hoàn toàn tương hợp với công trình sáng tạo nguyên thủy. Biến cố Đức Kitô mặc khải chính xác là thụ tạo muôn loài, khắp trong vũ trụ và trên thế giới, công trình tốt đẹp của Thiên Chúa, và Ngài luôn hoàn thành, (tái) tạo dựng, liên tục và gián đoạn, nhưng mang tính cánh chung thể hiện nơi Con một Thiên Chúa. Như thế, tương quan đầu tiên giữa hạt giống Tin mừng gieo trong môi trường dân tộc và văn hóa Việt Nam chính là Đức Giêsu Kitô, Đấng hiện diện giữa họ, đồng hành với họ, và muốn chia sẻ sự sống của Thiên Chúa cho họ.

Tương quan thứ hai giữa Tin mừng và văn hóa chính là tình yêu. Tình yêu là sự sống của Thiên Chúa thể hiện qua công trình Sáng tạo và cứu độ của Ngài. Claude Geffré, linh mục dòng Đa minh, đã diễn đạt trong nhiều tác phẩm với ý tưởng tóm lược như sau: Dân tộc Israel và Kitô giáo đã làm chứng cho hiện hữu của Thiên Chúa Tình yêu, Đấng sáng tạo và Chúa tể vũ trụ, đã hạ cố đến với nhân loại trong một đối thoại không cân xứng, vì lợi ích của con người (sự sống vĩnh cửu, cứu độ). Chân lý này vô cùng to lớn và không tưởng, bao hàm câu hỏi cơ bản khác - Hội thánh Công giáo có ơn gọi trung thành với Thiên Chúa nhờ sự cứu độ phổ quát của Con Thiên Chúa, làm thế nào Hội thánh “đi đến”, “sống với” các tôn giáo khác và rao giảng tin mừng của Chúa Giê-su như thân thể sống động của Ngài²⁶.

Và cuối cùng, hạnh phúc và sự sống vĩnh cửu, vì con người được tạo dựng giống Thiên Chúa, là hình ảnh của ngài, chính là hy vọng đối với con người trong văn hóa Việt Nam²⁷. Khi bắt

²⁶ Đức Giáo hoàng Biển Đức XVI, trung thành với Công đồng Vat II, ngài làm rõ khái niệm “tái phúc âm hóa” trong Tông thư Porta fidei:

“Tình yêu Chúa Kitô thúc bách chúng ta” (2 Cr 5, 14): chính tình yêu Chúa Kitô đổ đầy tâm hồn chúng ta và thúc đẩy chúng ta lo báo Tin Mừng. Ngày nay cũng như xưa kia, Chúa sai chúng ta ra đi trên khắp nẻo đường thế giới để công bố Tin Mừng của Người cho mọi dân tộc trên trái đất (x. Mt 28, 19). Chúa Giêsu Kitô dùng tình yêu thu hút con người thuộc mọi thế hệ đến với Người: trong mọi thời đại, Người gọi Giáo hội đến và trao nhiệm vụ loan báo Tin Mừng, với một mệnh lệnh luôn luôn mới mẻ. Vì thế, ngày nay Giáo hội phải dẫn thân một cách thuyết phục hơn nữa qua công cuộc Tân Phúc âm hóa, để tái khám phá niềm vui đức Tin và tìm lại niềm hăng say thông truyền đức Tin. Việc dẫn thân truyền giáo của các tín hữu, vốn không bao giờ được thiếu, sẽ nhận được sức mạnh và tinh thần hăng hái qua việc hằng ngày nhận ra tình yêu của Thiên Chúa” (số 7).

²⁷ Việt Nam là dân tộc có đời sống tâm linh khá phong phú và sâu đậm. Từ việc kính ngưỡng sức mạnh vô hình thể hiện trong việc thờ cúng tổ tiên cho đến tâm thức thần hóa những sức mạnh siêu nhiên gắn với khái niệm quỷ thần, tiên phật đã trở thành nhịp điệu thường ngày trong đời sống của người Việt Nam. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên phản ánh sự tiếp nối sự sống giữa thế giới người sống và người chết trong mối dây liên hệ, gắn bó về mặt huyết thống. Các mối dây liên kết họ trong cuộc sống không bị cái chết tháo cời, trái lại, nó trở thành vững vàng và trường cửu. Ông bà, cha mẹ dù qua đời nhưng vẫn có một sợi dây nối kết với con cháu ở cuộc sống hiện tại. Dường như không có sự khác biệt giữa hai lãnh giới sống-chết trong tâm thức người Việt. Sự sống tiếp nối liên tục và cái chết chỉ là một dạng sống mới. Một quan

đầu sứ vụ của mình, Đức Thánh Cha Phanxicô dành toàn bộ lời huấn dụ để các tín hữu khám phá lại niềm vui của Tin Mừng và niềm vui của việc truyền giáo. Đối với Ngài, cũng như đối với các vị tiền nhiệm của Ngài, trung tâm và cốt lõi của mọi công cuộc Phúc Âm hóa là Chúa Kitô, Đấng bằng cái chết và sự phục sinh của Người, đã biểu lộ khuôn mặt nhân hậu của Thiên Chúa và tình yêu bao la của Người đối với từng người và đối với toàn thể nhân loại. Chúa Giêsu Kitô là “Tin mừng muôn đời” (Kh 14, 6), một mặt, “hôm qua, hôm nay và mãi mãi” (Hr 13,8), nhưng mặt khác là cội nguồn của tính mới vĩnh cửu vì vẻ đẹp và sự phong phú của nó là vô tận. Chúa Giêsu có thể phục hồi hy vọng và sức mạnh để sống cho rất nhiều người tuyệt vọng trong xã hội của chúng ta và khiến họ khám phá ra ý nghĩa thực sự và giá trị sâu sắc của cuộc sống²⁸.

Tài liệu tham khảo

- Duffy, Eamon (1997), *Saints and Sinners, A History of the Popes*, Yale University Press, 241.
- Follo, F. (2010), *Inculturation and interculturality in John Paul II and Benedict XVI*, Oasis, 31/10/2023.
- Genesis: A Commentary* [Philadelphia: Westminster, 1972], 76.
- J. Smit, *Pope Pius XII*, New York, 1950, 186–187.
- Ratzinger, Joseph Cardinal (2004), *Truth and Tolerance: Christian Belief and World Religions*, San Francisco: Ignatius Press.
- Walker, C. (2009). *Missionary Pope: The Catholic Church and the Positive Elements of Other Religions in the Magisterium of Paul VI*. IVE Press, New York. John Paul II, *encyclical Slavorum Apostoli*, June 2, 1985, No. 21: AAS 77 (1985), 802–803; Address to the Pontifical Council for Culture plenary assembly, Jan. 17, 1987, No. 5: AAS 79 (1987), 1204–1205.
- Wenham, Gordon J., *Genesis 1–15*, V. 1, Word Biblical Commentary, published by Zondervan, ePub edition August 2017: ISBN 978-0-310-58585-5, “Genesis in Recent Research”.

Biodata

Linh mục Phaolô Ngô Đình Sĩ hiện là Giáo sư giảng dạy tại Học Viện Công Giáo Việt Nam.
Fr. Paul Ngo Dinh Si is a professor of the Catholic Institute of Vietnam.

niềm tâm linh thật dung dị, gần gũi phản ánh tâm thức kính ngưỡng sự sống sâu xa của dân tộc Việt Nam, một nét đẹp, một bản sắc văn hóa thật đáng trân quý và tôn vinh.

²⁸ “Sự sống lại của Đức Kitô không phải là một biến cố của quá khứ; nó chứa đựng một sức mạnh cốt thiết đã thấm nhuần thế giới này. Ở đâu mà tất cả có vẻ như đã chết, ở đó các dấu hiệu phục sinh đột nhiên xuất hiện. Đó là một sức mạnh không thể cưỡng lại được. Thường chúng ta thấy Thiên Chúa có vẻ như không hiện hữu: chúng ta thấy khắp quanh mình những cảnh bất công, tội ác, thờ ơ, tàn bạo không ngừng. Nhưng cũng đúng là giữa cảnh tối tăm luôn luôn có một cái gì mới phát sinh và sớm hay muộn sẽ sinh hoa kết quả. Trên mặt đất bị san bằng, sự sống vẫn bùng dậy một cách ngoan cường. Bất kể hoàn cảnh đen tối đến đâu, sự thiện luôn luôn xuất hiện trở lại và lan tỏa. Mỗi ngày trong thế giới của chúng ta, cái đẹp luôn luôn tái sinh, nó lớn lên xuyên qua những bão tố của lịch sử. Các giá trị luôn luôn có khuynh hướng xuất hiện trở lại dưới những dạng mới, và loài người cũng đã tái sinh hết lần này qua lần khác từ những tình huống xem như là đã tận số. Sức mạnh của sự sống lại là như thế, và tất cả những người loan báo Tin Mừng là những khí cụ của sức mạnh ấy” (*Evangelii Gaudium*, 276).